

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 61/2020/HS-ST
Ngày: 16/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Phúc

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Khánh

Bà Dương Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hạnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Trịnh Xuân Q, sinh năm 1990; Đăng ký nhân khẩu thường trú: PĐ, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Xuân P (tên gọi khác: Trịnh Văn P) và bà Lý Thị T; Có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Dương Thị D (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị truy nã, đầu thú ngày 23/12/2019. Tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2019. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số I – Công an thành phố Hà Nội; Có mặt;

- Bị hại: Anh Thân Văn C, sinh năm 1983; Địa chỉ: To, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1986; Địa chỉ: PĐ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Xuân Q là thợ nhôm kính làm thuê cho anh Thân Văn C. Quá trình nhận thi công nhôm kính tại các công trình, anh C có thuê 01 phòng trọ tại phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cho công nhân ở và để máy móc, thiết bị. Khoảng đầu tháng 8/2019, Q được anh C thuê làm công trình tại Hải Dương. Quá trình làm việc tại Hải Dương, Q xin anh của anh C là anh Nguyễn Duy B nghỉ để về quê và xin ứng trước tiền lương, anh B ứng trước cho Q 500.000 đồng. Sau khi tiêu hết số tiền lương được ứng, Q gọi điện yêu cầu anh C ứng thêm tiền nhưng anh C không đồng ý. Q hết tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh C để trong phòng trọ. Khoảng 9h30' sáng ngày 14/8/2019, Q đi xe khách từ quê lên, đi đến phòng trọ của anh C thuê tại phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, trộm cắp tài sản gồm: 01 máy bắn vít, 01 máy khoan bê tông, 01 máy hàn điện, 01 máy tời điện, 01 máy cắt nhôm, 1 máy cân B Laze và dùng xe máy của anh C để tại phòng trọ chở số tài sản này đến cửa hàng sửa chữa đồ điện của anh Nguyễn Văn P tại số phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cầm cố lấy 2.800.000 đồng và hẹn vài ngày sau sẽ quay lại để lấy. Sau đó, Q đi xe máy của anh C về phòng trọ trả lại xe và mang 01 chiếc máy cân B laze do anh P không nhận cầm cố về nhà anh trai tại xóm Minh Lý cất giấu. Số tiền 2.800.000 đồng cầm cố tài sản Q đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 14/8/2019 anh C phát hiện bị trộm cắp tài sản đã kiểm tra camera và biết Q là người trộm cắp nên đã nhắn tin, gọi điện qua mạng xã hội zalo cho Q, Q thừa nhận đã trộm đồ và cho anh C biết đang cầm cố tài sản trộm cắp tại cửa hàng của anh P. Anh C yêu cầu Q chuộc lại tài sản nhưng Q nói không có tiền chuộc nên anh C đã đến Công an phường Đại Mỗ trình báo sự việc.

Ngày 09/12/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đã ra Quyết định truy nã đối với Trịnh Xuân Q. Ngày 23/12/2019, Q đến Phòng cảnh sát hình sự Công an thành phố Hà Nội để đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ gồm có:

- Thu giữ của anh Thân Văn C: 01 USB màu ghi; 05 ảnh chân dung Trịnh Xuân Q; 05 ảnh nội dung C chat zalo với Q;
- Thu giữ của anh Nguyễn Văn P: 01 máy bắn vít; 01 máy bắn bê tông; 01 máy hàn; 01 máy tời điện và 01 máy cắt nhôm;
- Ông Trịnh Xuân P giao nộp: 01 máy soi cân B laze màu đen, đựng trong hộp nhôm màu cam, có khóa chốt bên ngoài.

Tại Kết luận định giá tài sản số 363 ngày 04/9/2019 và số 52 ngày 30/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Nam Từ

Liên, kết luận: 01 máy bắn vít nhãn hiệu Maktec màu đỏ trị giá 400.000 đồng; 01 máy khoan bê tông hiệu Bosch GBH 2-26DRE màu đen, xám trị giá 1.000.000 đồng; 01 máy hàn điện hiệu ZLHC ZX7-200T màu vàng trị giá 1.000.000 đồng; 01 máy tời điện hiệu Jieyan PA 1000 màu đỏ trị giá 1.500.000 đồng; 01 máy cắt nhôm hiệu Makita LS 1030N màu xanh trị giá 2.500.000 đồng; 01 chiếc máy cân B laze có giá là 3.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản Trịnh Xuân Q trộm cắp là 9.400.000 đồng.

Ngày 03/9/2019 và ngày 30/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh Thân Văn C 01 máy bắn vít, 01 máy khoan bê tông, 01 máy hàn điện, 01 máy tời điện, 01 máy cắt nhôm, 01 máy cân B laze. Anh C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với anh Nguyễn Văn P, khi nhận cầm cố tài sản anh P không biết tài sản do Q phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý. Anh P yêu cầu Q trả lại số tiền 2.800.000 đồng.

Đối với anh Trịnh Xuân L và ông Trịnh Xuân P, khi Q mang máy cân B laze để cất giấu ở nhà thì anh L và ông P không biết đó là tài sản do Q trộm cắp.

Quá trình điều tra: Bị cáo Trịnh Xuân Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại bản cáo trạng số 60/QĐ-VKS-NTL ngày 28/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Trịnh Xuân Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Xuân Q khai nhận hành vi của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Xuân Q từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về dân sự: buộc bị cáo Trịnh Xuân Q phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn P số tiền 2.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Xuân Q khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp

với Biên bản thu giữ vật chứng, Kết luận định giá tài sản, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09h30' ngày 14/8/2019, tại phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Trịnh Xuân Q đã có hành vi trộm cắp 01 máy bắn vít, 01 máy khoan bê tông, 01 máy hàn điện, 01 máy tời điện, 01 máy cắt nhôm và 01 máy cân B laze. Tổng trị giá tài sản Trịnh Xuân Q trộm cắp là 9.400.000 đồng. Tài sản đã thu hồi trả chủ sở hữu, anh Thân Văn C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự. Anh Nguyễn Văn P yêu cầu Q trả lại 2.800.000 đồng.

[2] Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đầu thú, do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên thì phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Văn P yêu cầu bị cáo Trịnh Xuân Q hoàn trả số tiền 2.800.000 đồng. Xét thấy việc anh P yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 2.800.000 đồng là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn P khi nhận cầm cố tài sản từ Trịnh Xuân Q không biết đó là tài sản do Q trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý. Đối với anh Trịnh Xuân L và ông Trịnh Xuân P, khi Q cất giấu tài sản ở nhà không biết đó là tài sản do Q trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Trịnh Xuân Q là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về đề nghị của Viện kiểm sát đối với vụ án: Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù là chưa phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội.

[9] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: xét thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố vụ án đúng quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015;
- Điều 38; Điều 48; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; khoản 1 Điều 579 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;
- Khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTV QH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trịnh Xuân Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2019.

Về dân sự: Bị cáo Trịnh Xuân Q phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn P số tiền 2.800.000 đồng (*hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị cáo Trịnh Xuân Q phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trịnh Xuân Q có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhân:

- Bị cáo; Bị hại; Người Q.LNVLQDVA;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Q.Nam Từ Liêm;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Phúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA